

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

Phạm Thị Thanh Thủy - Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Ngày nhận bài: 10/09/2018; ngày sửa chữa: 22/09/2018; ngày duyệt đăng: 10/10/2018.

Abstract: This article explores and analyzes the current status of teaching history management in high schools in Nam Định City as a basis for proposing measures to improve the quality of teaching and learning, local history education in high school. According to the author of the article, school administrators have the management of teaching and learning activities in a scientific and appropriate way will improve the quality of teaching history, doing the work of education history It satisfies the requirements of current student-directed learning development.

Keywords: Management, teaching activities, history, high school, student capacity development.

1. Mở đầu

Đổi mới giáo dục hiện nay là hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tế nhằm chuẩn bị cho người học năng lực giải quyết tốt các vấn đề của cuộc sống. Dạy học môn *Lịch sử* ngày nay phải chú trọng việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào về truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, qua đó góp phần giúp học sinh (HS) nhận thức sâu sắc và vận dụng được các bài học lịch sử vào việc giải quyết những vấn đề của thực tế cuộc sống, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung nhân ái và hình thành những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Là quê hương của vương triều Trần đã từng tồn tại lừng lẫy trong lịch sử gần 2 thế kỉ, giáo dục Nam Định rất chú trọng đến việc giáo dục truyền thống lịch sử cho thế hệ trẻ nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc. Bài viết này tìm hiểu và phân tích thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn *Lịch sử* ở các trường trung học phổ thông (THPT) tại TP. Nam Định, để làm cơ sở đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học bộ môn và giáo dục lịch sử địa phương trong trường THPT.

2. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành ở 04 trường THPT công lập trên địa bàn TP. Nam Định, gồm: THPT Trần Hưng Đạo, THPT Nguyễn Khuyến, THPT Nguyễn Huệ và THPT Ngô Quyền với 478 khách thể khảo sát là: cán bộ quản lý (CBQL) (14), giáo viên (GV) môn *Lịch sử* (14), học sinh (HS) (450). Thời gian khảo sát: tháng 6/2018.

Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là trung tâm ý kiến bằng phiếu hỏi, trao đổi, phỏng vấn, thu thập và xử lý số liệu.

Kết quả cụ thể như sau:

2.1. Thực trạng về chất lượng dạy học bộ môn *Lịch sử* ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Nam Định

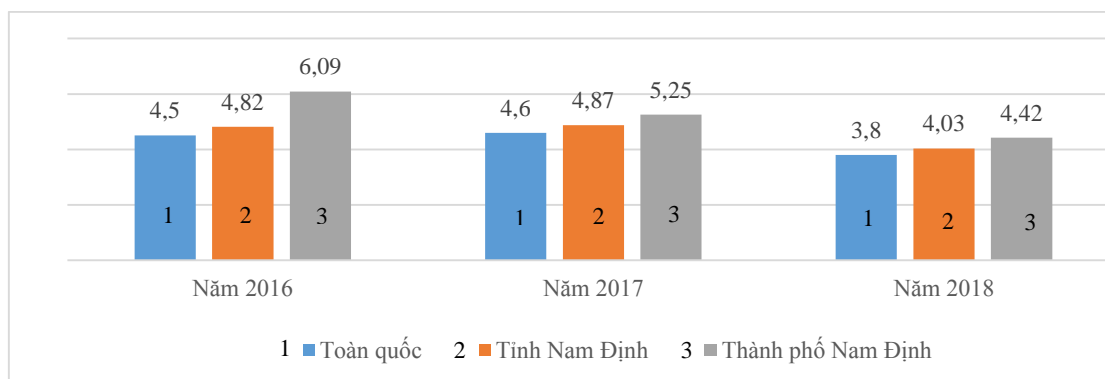
Đánh giá theo các mức độ Tốt, Bình thường, Yếu, Kém qua việc khảo sát các GV và CBQL, chúng tôi nhận thấy, chất lượng dạy học bộ môn *Lịch sử* của toàn quốc và riêng ở các trường THPT tại TP. Nam Định được GV đánh giá chủ yếu ở mức Bình thường, từ 64,3-71,4%, mức độ Tốt rất khiêm tốn, còn mức độ Yếu kém chiếm 21,4%. Đánh giá này cũng giúp CBQL các nhà trường đề ra các biện pháp cụ thể để chỉ đạo nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn.

Đánh giá về chất lượng dạy học môn *Lịch sử* hiện nay theo điểm trung bình (ĐTB) của môn học trong kì thi THPT quốc gia năm 2016, 2017, 2018, chúng tôi thu được kết quả như sau (*biểu đồ 1* trang bên):

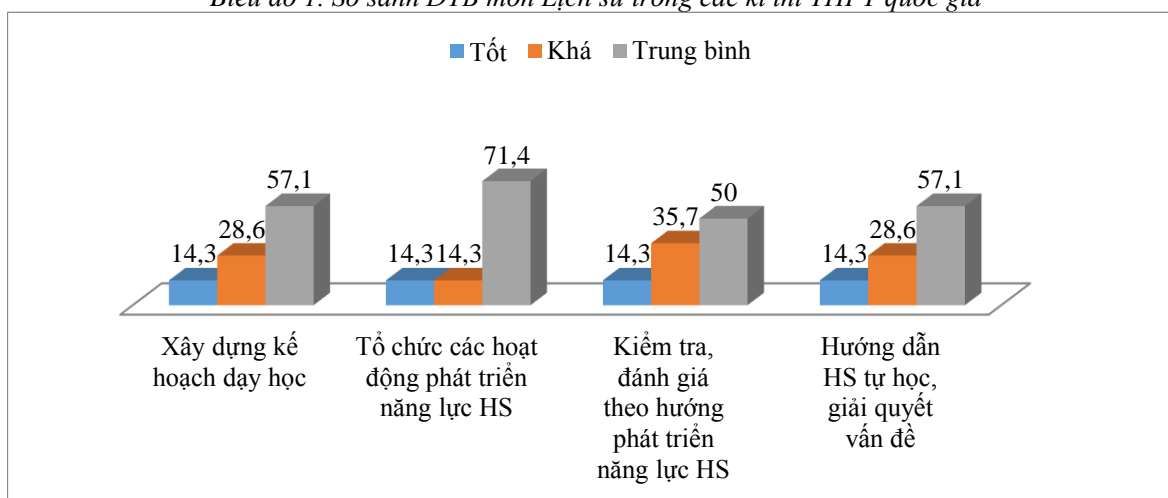
Biểu đồ 1 cho thấy, so với ĐTB của toàn quốc, ĐTB môn *Lịch sử* của HS tỉnh Nam Định nói chung và của HS các trường THPT trên địa bàn TP. Nam Định nói riêng ở cả 3 năm đều cao hơn. Đây là một thuận lợi cơ bản để CBQL, GV các nhà trường có điều kiện nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy môn *Lịch sử*.

2.2. Thực trạng hoạt động dạy học môn *Lịch sử* của giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Nam Định

Để đánh giá thực trạng các hoạt động dạy học của GV, chúng tôi dựa trên các nội dung: 1) Xây dựng kế hoạch dạy học (giáo án); 2) Tổ chức các hoạt động để phát triển năng lực HS (dạy học trên lớp); 3) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực; 4) Hướng dẫn HS tự học và giải quyết các vấn đề (học ở nhà). Kết quả thu được như sau (*biểu đồ 2* trang bên):



Biểu đồ 1. So sánh ĐTB môn Lịch sử trong các kì thi THPT quốc gia



Biểu đồ 2. Mức độ đánh giá các hoạt động dạy học của GV (%)

Biểu đồ 2 cho thấy, các hoạt động dạy học của GV các trường THPT trên địa bàn TP. Nam Định được đánh giá còn khiêm tốn. Ở các nội dung khảo sát chỉ có 14,3% GV đánh giá việc triển khai các hoạt động dạy học ở mức Tốt, mức Khá từ 14,3-35,7%, còn lại là mức Trung bình từ 50-71,4%. Đây là một trong những yếu tố cần được quan tâm để CBQL các nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho GV các nội dung có liên quan đến các hoạt động dạy học bộ môn.

2.3. Thực trạng về hoạt động học tập môn Lịch sử của học sinh hiện nay ở các trường trung học phổ thông ở thành phố Nam Định

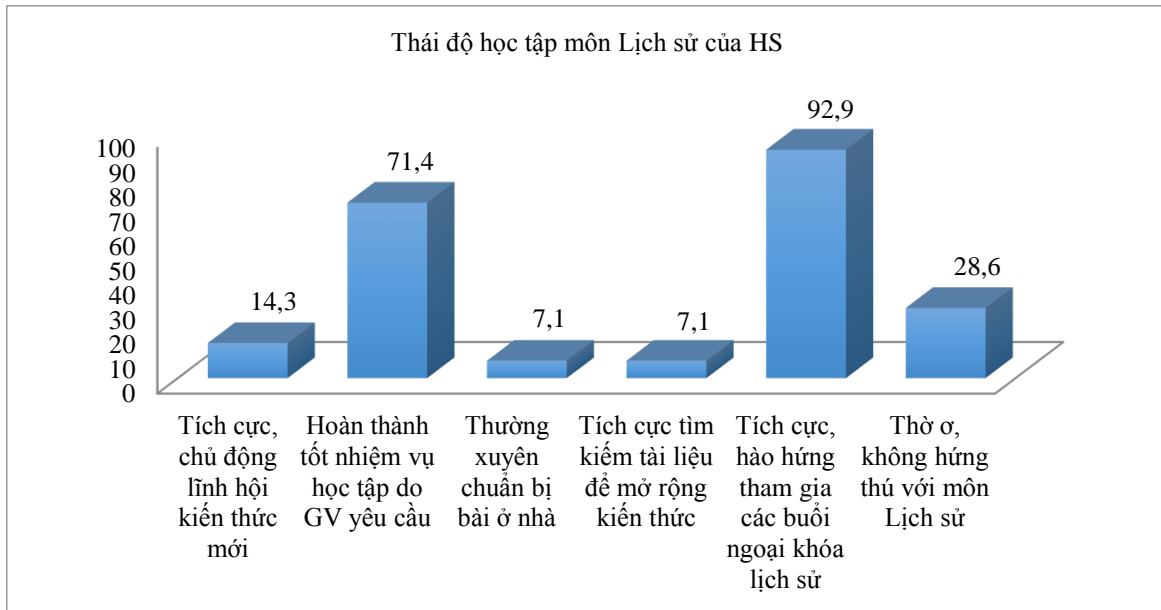
2.3.1. Về thái độ học tập của học sinh

Để đánh giá thực trạng này, chúng tôi khảo sát theo các nội dung sau: 1) Tích cực chủ động lĩnh hội kiến thức mới trong giờ học; 2) Hoàn thành các nhiệm vụ học tập do GV yêu cầu; 3) Thường xuyên chuẩn bị bài ở nhà; 4) Tích cực tìm kiếm tài liệu đọc thêm để mở rộng kiến thức; 5) Tích cực, hào hứng tham gia các buổi ngoại khóa lịch sử; 6) Thờ ơ, không hứng thú với môn học (biểu đồ 3 trang bên).

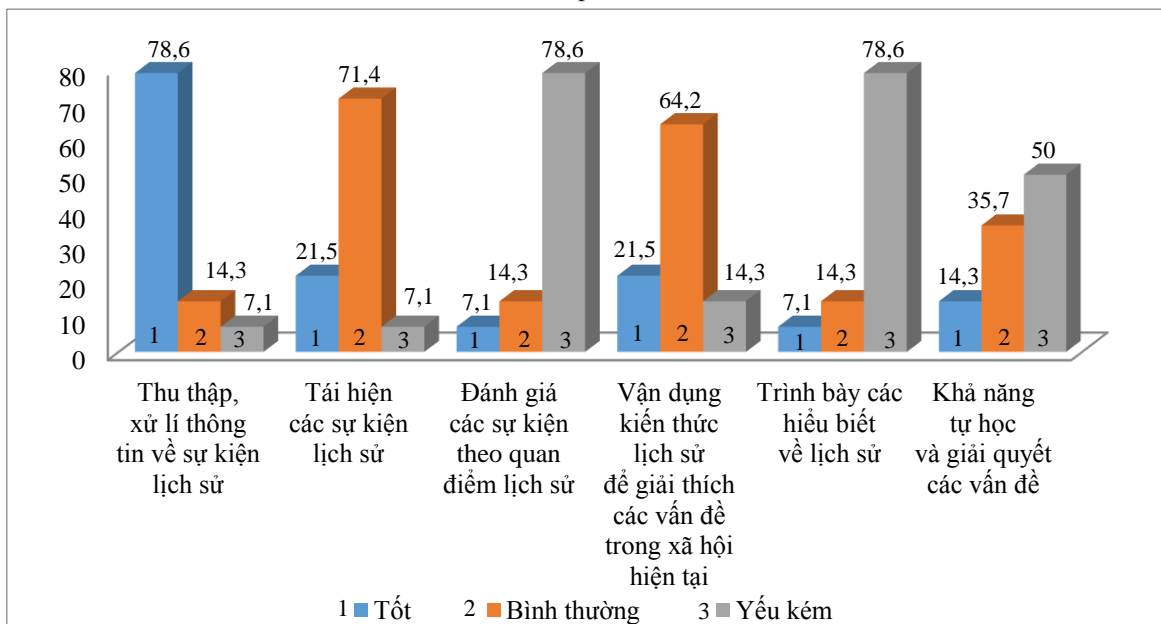
Biểu đồ 3 cho thấy, việc chuẩn bị bài ở nhà và tích cực tìm kiếm tài liệu để mở rộng kiến thức của HS rất hạn chế, chỉ chiếm 7,1%. HS tích cực, chú ý nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận chiếm lĩnh kiến thức mới trong các giờ học cũng khá khiêm tốn, chỉ chiếm 14,3%. Đặc biệt, có tới 28,6% GV đánh giá HS có thái độ thờ ơ, không hứng thú với môn học. Đa số GV đánh giá HS sẽ hoàn thành các nhiệm vụ học tập nếu GV yêu cầu (71,4%) và HS rất tích cực và hào hứng khi tham gia các buổi ngoại khóa lịch sử (92,9%). Thực trạng này sẽ giúp CBQL, GV các trường có kế hoạch đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học bộ môn để đưa các kiến thức bộ môn gần gũi với HS, giúp HS lĩnh hội kiến thức qua các hoạt động trải nghiệm trong thực tiễn.

2.3.2. Về mức độ các năng lực của học sinh

Để đánh giá thực trạng này, chúng tôi dựa trên các năng lực chủ yếu của HS, gồm: 1) Thu thập và xử lý thông tin về các sự kiện lịch sử; 2) Tái hiện các sự kiện lịch sử một cách cụ thể, sinh động; 3) Đánh giá các sự kiện theo quan điểm lịch sử; 4) Vận dụng những kiến thức, hiểu



Biểu đồ 3. Thái độ học tập môn Lịch sử của HS (%)



Biểu đồ 4. Mức độ các năng lực của HS trong học tập môn Lịch sử (%)

biết lịch sử để giải thích các vấn đề trong đời sống xã hội hiện tại; 5) Trình bày, diễn đạt các vấn đề và hiểu biết lịch sử; 6) Tự học và giải quyết vấn đề. Kết quả thu được như sau (xem *biểu đồ 4*):

Biểu đồ 4 cho thấy, mức độ Tốt được đánh giá cao (78,6%) ở năng lực thu thập, xử lý thông tin về sự kiện lịch sử; các năng lực tái hiện các sự kiện lịch sử và vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết các vấn đề hiện tại chỉ chiếm 21,5%; còn các năng lực khác đều được

đánh giá rất thấp từ 7,1-14,3%. Mức độ Bình thường được đánh giá cao ở các năng lực tái hiện và vận dụng kiến thức để giải thích các vấn đề trong xã hội chiếm từ 64,2-71,4%. Mức độ Yếu kém được đánh giá cao ở các năng lực đánh giá sự kiện theo quan điểm lịch sử, trình bày các hiểu biết về lịch sử và khả năng tự học, giải quyết vấn đề, chiếm từ 50-78,6%.

Thực trạng này sẽ giúp CBQL, GV các nhà trường có kế hoạch để phát triển những năng lực mà HS đã được

đánh giá tốt, đồng thời có biện pháp cụ thể để phát triển các năng lực yếu kém theo từng chủ đề, bài học cụ thể và trong các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ học.

2.3.3. Về mức độ yêu thích bộ môn Lịch sử của học sinh

Sự yêu thích môn học của HS rất khiêm tốn. Mức độ Rất thích chỉ chiếm 7%, mức độ Thích chiếm 16%. Đa số HS được hỏi đánh giá ở mức độ Bình thường (49%) và có 28% HS không thích thậm chí còn chán ghét môn *Lịch sử*. Điều này cũng đặt ra cho CBQL, GV các nhà trường cần phải làm thế nào để HS yêu thích và có hứng thú khi học tập bộ môn, qua đó có thể nâng cao được chất lượng dạy học.

Khảo sát nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS thờ ơ, không thích, thậm chí chán ghét bộ môn *Lịch sử*, chúng tôi nhận thấy: các nguyên nhân chủ yếu là ít trường đại học, cao đẳng chọn *Lịch sử* là môn xét tuyển và cơ hội có việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng thấp (92,9%), Gia đình, xã hội, các cấp quản lí và xã hội còn xem nhẹ môn *Sử* (85,7%) và do chương trình, sách giáo khoa còn quá “hàn lâm”, khô cứng (71,4%). Thực trạng này cũng giúp CBQL có thể đề xuất các kiến nghị lên cấp trên để có những cải tiến, đổi mới về chương trình, sách giáo khoa, thay đổi nhận thức về vị trí vai trò của bộ môn hay những điều chỉnh trong việc xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng...

Khảo sát về tỉ lệ HS chọn môn *Lịch sử* hoặc tổ hợp có môn *Lịch sử* làm môn thi để xét công nhận tốt nghiệp và vào đại học, cao đẳng trong các năm 2016, 2017, 2018, chúng tôi đã so sánh tỉ lệ của toàn quốc, tỉnh Nam Định và TP. Nam Định. Cụ thể: năm 2016, trong kì thi THPT quốc gia, *Lịch sử* là một môn thi độc lập mà HS được lựa chọn để xét công nhận tốt nghiệp hoặc xét tuyển vào đại học, cao đẳng và được thi theo hình thức tự luận; từ năm 2017, *Lịch sử* là môn nằm trong bài thi tổ hợp khoa học xã hội mà HS phải chọn để xét công nhận tốt nghiệp hoặc xét tuyển đại học, cao đẳng, thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan. Kết quả tổng hợp cho thấy: năm 2016, khi môn *Lịch sử* thi độc lập và theo hình thức tự luận thì có rất ít HS chọn để thi. Tỉ lệ HS chọn môn *Lịch sử* để thi rất khiêm tốn ở cả trên phạm vi toàn quốc, tỉnh Nam Định và TP. Nam Định. Nhưng tỉ lệ HS chọn của các trường ở TP. Nam Định còn cao hơn tỉ lệ chung của toàn tỉnh Nam Định. Khi môn *Lịch sử* nằm trong bài thi tổ hợp khoa học xã hội thì tỉ lệ HS chọn thi tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, so với tỉ lệ chung toàn quốc và tỉnh Nam Định thì số HS các trường THPT tại TP. Nam Định chọn môn *Lịch sử* lại có xu hướng giảm đi ở cả năm 2017 và 2018. Đây cũng là vấn đề để CBQL và GV các nhà trường phải đánh giá lại về chất lượng dạy học bộ môn

và có những biện pháp để việc tạo hứng thú học tập cho HS đối với bộ môn.

2.3.4. Về mong muốn của học sinh đối với giáo viên bộ môn trong việc sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học nhằm phát triển năng lực người học và tăng hứng thú cho các giờ học

Kết quả cho thấy: có 70,44% số HS được khảo sát mong muốn từ CBQL và GV môn học tổ chức tham quan, học tập thực tế tại các địa danh lịch sử, văn hóa; có 62,44% HS mong muốn các GV bộ môn sử dụng phương pháp tường thuật, miêu tả nhằm tái hiện sự kiện lịch sử một cách sinh động; có 51,11% HS muốn GV ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức giờ học; có 49,33% HS mong muốn GV sử dụng các phương tiện đồ dùng trực quan trong dạy học; có 48,22% HS mong muốn GV sử dụng hợp lí các nguồn tài liệu ngoài sách giáo khoa làm cho bài học thêm sinh động. Còn một số các phương pháp khác, mức độ HS mong muốn rất thấp như dạy học nêu vấn đề (17,78%), khai thác triệt để nội dung sách giáo khoa (18,89%), sử dụng hệ thống câu hỏi trong giờ học (23,11%) và trao đổi, đàm thoại (34,67%). Thực trạng này giúp CBQL, GV bộ môn các nhà trường có các biện pháp cụ thể để chỉ đạo và lựa chọn các phương pháp hình thức dạy học phù hợp với đặc thù từng bài, chủ đề, khối, lớp để tạo hứng thú cho HS, góp phần hình thành các năng lực chung và năng lực bộ môn.

2.4. Thực trạng về quản lí hoạt động dạy học môn Lịch sử ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Nam Định

2.4.1. Mức độ nhận thức của cán bộ quản lí nhà trường về vị trí, vai trò của bộ môn Lịch sử trong Chương trình giáo dục phổ thông

Có tới 70% CBQL được khảo sát còn nhận thức chưa đầy đủ, 10% CBQL có nhận thức rất hạn chế về vị trí, vai trò của môn học trong chương trình giáo dục phổ thông. Thực trạng này là cơ sở để đưa ra các biện pháp nâng cao nhận thức của CBQL về vị trí vai trò của môn *Lịch sử* trong các trường THPT, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn.

2.4.2. Về quản lí hoạt động dạy của giáo viên

Để tìm hiểu thực trạng này, chúng tôi dựa trên các nội dung: 1) Phê duyệt kế hoạch dạy học của GV; 2) Chỉ đạo GV đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; 3) Quản lí hoạt động trên lớp của GV (dự giờ, quan sát hoạt động dạy của GV); 4) Quản lí việc hướng dẫn HS tự học của GV. Kết quả cho thấy: có 85,7% CBQL các nhà trường đã thường xuyên phê duyệt kế hoạch dạy học của GV (giáo án), qua đó giúp CBQL

thường xuyên quản lý được chương trình, nội dung dạy học của GV. Tuy nhiên, các hoạt động sau lại không diễn ra thực sự thường xuyên như: chỉ đạo GV đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học (78,6%); quản lý các hoạt động trên lớp của GV như dự giờ, quan sát hoạt động dạy (64,2%) và quản lý hướng dẫn HS tự học (28,6%). Một số CBQL các nhà trường cho rằng, họ rất hiếm khi chú ý đến việc quản lý hoạt động dạy trên lớp của GV (14,3%) và quản lý việc hướng dẫn HS tự học (42,8%); và đặc biệt, có tới 21,5% CBQL cho rằng họ chưa bao giờ quản lý việc hướng dẫn HS tự học của GV. Thực trạng này cũng là cơ sở để đưa ra các biện pháp để giúp CBQL các nhà trường quản lý tốt hơn, đầy đủ hơn các hoạt động dạy học của GV.

2.4.3. Về quản lý hoạt động học của học sinh

Để tìm hiểu thực trạng này, chúng tôi dựa trên các nội dung: 1) Tạo hứng thú, động cơ học tập bộ môn Lịch sử cho HS; 2) Quản lý hoạt động học tập trên lớp của HS (dự giờ, quan sát hoạt động học của HS); 3) Kiểm tra việc tự học ở nhà của HS. Kết quả thu được như sau: mức độ thường xuyên ở các nội dung khảo sát của CBQL các nhà trường rất hạn chế, chỉ từ 7,1-21,7%. Mức độ không thường xuyên là chủ yếu chiếm tỉ lệ từ 35,7-71,5%. Có từ 7,1- 28,6% CBQL cho rằng, họ rất hiếm khi thực hiện các nội dung về quản lý hoạt động học của HS; đặc biệt, có 28,6% CBQL cho rằng họ không bao giờ kiểm tra việc tự học của HS. Thực trạng này cũng cho thấy, để nâng cao được chất lượng dạy học bộ môn Lịch sử thì CBQL các nhà trường cần phải có kế hoạch và biện pháp thường xuyên quản lý hoạt động học tập của HS.

2.4.4. Về quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động dạy học của cán bộ quản lý các nhà trường

Để tìm hiểu thực trạng này, chúng tôi dựa trên các nội dung: 1) Bồi dưỡng GV để đáp ứng dạy học phát triển năng lực HS; 2) Tạo động lực cho GV đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực; 3) Cung ứng các nguồn lực để hỗ trợ GV giảng dạy phát triển năng lực (thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin). Kết quả như sau: một số CBQL đã thường xuyên quan tâm đến quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động dạy học, chiếm tỉ lệ từ 14,3-28,6%. Đa số CBQL cho rằng họ thực hiện các công việc này không thường xuyên, chiếm tỉ lệ từ 57,1-71,4%. Còn mức độ “hiếm khi” thì rất ít, chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (14,3%). Đây là cơ sở để đưa ra các biện pháp thúc đẩy CBQL các nhà trường thường xuyên quan tâm thực hiện quản lý đầy đủ các nội dung trên để góp phần thúc đẩy chất lượng giảng dạy bộ môn trong các nhà trường.

2.4.5. Về thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Để tìm hiểu thực trạng này, chúng tôi dựa trên các nội dung: 1) Kiểm tra, đánh giá quá trình; 2) Đánh giá định kì, tổng kết; 3) Đánh giá PISA. Kết quả thu được như sau: CBQL các nhà trường mới chỉ quan tâm thường xuyên đến hoạt động kiểm tra, đánh giá tổng kết (71,4%). Đa số CBQL cho rằng họ không thường xuyên chỉ đạo việc kiểm tra, đánh giá quá trình (71,4%). Đặc biệt, đánh giá theo PISA, có tới 85,7% CBQL được khảo sát cho rằng họ chưa bao giờ đánh giá HS theo hình thức này, đây cũng là yếu tố cần quan tâm để đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến, đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS đáp ứng được quá trình dạy học phát triển định hướng năng lực.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát trên cho thấy, thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn *Lịch sử* ở các trường THPT trên địa bàn TP. Nam Định. Đây là cơ sở khoa học để CBQL các nhà trường xây dựng kế hoạch nhằm phát huy những mặt đã làm tốt; đồng thời đề ra các biện pháp để khắc phục những hạn chế, yếu kém ở mỗi nội dung để đáp ứng được việc thực hiện đổi mới giáo dục hiện nay và góp phần giáo dục lịch sử địa phương một cách hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT - Dự án Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp (2013). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [2] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
- [3] Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Thành Vinh (2011). *Quản lý nhà trường*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Đức Chính (chủ biên, 2017). *Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên, 2017). *Cẩm nang quản lý và lãnh đạo nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Nghiêm Đình Vỳ (tổng chủ biên, 2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Sở GD-ĐT Nam Định (2017, 2018). *Báo cáo tổng kết nhiệm vụ giáo dục trung học và phương hướng nhiệm vụ của giáo dục trung học năm 2017-2018*.